

macro

CHƯƠNG 11
Tổng Cầu II

kinh tế vĩ mô

bản thứ năm

N. Gregory Mankiw

Bài giảng của Phạm Thế Anh
pham.theanh@yahoo.com
(dịch và sửa theo bài giảng của Ron Cronovich)

© 2002 Worth Publishers, all rights reserved

Bối cảnh

- Chương 9 đã giới thiệu mô hình tổng cung và tổng cầu.
- Chương 10 phát triển mô hình IS-LM, cơ sở để xây dựng đường tổng cầu.
- Trong chương 11, chúng ta sẽ sử dụng mô hình IS-LM để
 - xét xem các chính sách và các cú sốc ảnh hưởng thế nào đến thu nhập và lãi suất trong ngắn hạn khi giá cả là cố định
 - xây dựng đường tổng cầu
 - tìm kiếm những lời giải thích khác nhau cho thời kỳ Đại Suy thoái

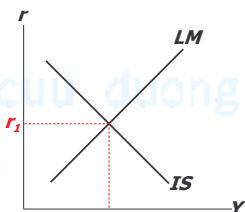
CHAPTER 11 Aggregate Demand II
slide 1

Cân bằng trong mô hình IS-LM

Đường *IS* phản ánh trạng thái cân bằng trên thị trường hàng hoá.

$$Y = C(Y - \bar{T}) + I(r) + \bar{G}$$

Đường *LM* phản ánh trạng thái cân bằng trên thị trường tiền tệ.

$$\bar{M}/\bar{P} = L(r, Y)$$


Giao điểm cho ta cách kết hợp duy nhất giữa *Y* và *r* thoả mãn cân bằng trên cả hai thị trường.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II
slide 2

Phân tích chính sách với mô hình IS-LM

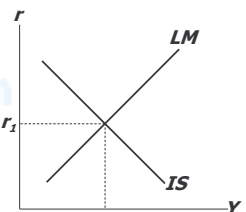
$$Y = C(Y - \bar{T}) + I(r) + \bar{G}$$

$$\bar{M}/\bar{P} = L(r, Y)$$

Các nhà hoạch định chính sách có thể tác động đến các biến số kinh tế vĩ mô bằng

- chính sách tài khoá: *G* và/hoặc *T*
- chính sách tiền tệ: *M*

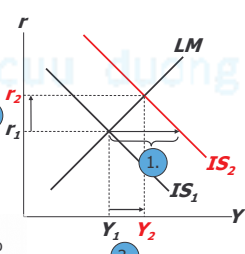
Chúng ta có thể sử dụng mô hình *IS-LM* để phân tích hiệu ứng của những chính sách này.



CHAPTER 11 Aggregate Demand II
slide 3

Sự gia tăng chi tiêu chính phủ

1. đường *IS* dịch phải một lượng bằng $\frac{1}{1-MPC} \Delta G$ làm tăng sản lượng & thu nhập.
2. Điều này làm tăng cầu tiền, khiến cho lãi suất tăng...
3. ...nó làm giảm đầu tư, do vậy sự gia tăng cuối cùng của *Y* là nhỏ hơn $\frac{1}{1-MPC} \Delta G$



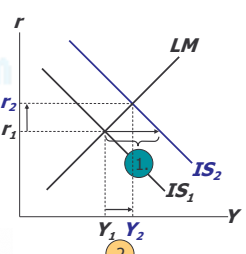
CHAPTER 11 Aggregate Demand II
slide 4

Cắt giảm thuế

Do người tiêu dùng tiết kiệm (1-MPC) phần thuế cắt giảm, nên sự gia tăng ban đầu của tổng chi tiêu là nhỏ hơn đối với ΔT so với tăng ΔG một lượng tương tự ... và đường *IS* dịch sang phải một lượng bằng

$$\frac{-MPC}{1-MPC} \Delta T$$

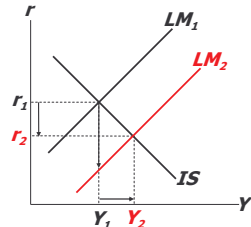
...do vậy hiệu ứng đối với *r* và *Y* là nhỏ hơn đối với ΔT so với tăng ΔG một lượng tương tự.



CHAPTER 11 Aggregate Demand II
slide 5

Chính sách tiền tệ: sự gia tăng M

1. $\Delta M > 0$ làm dịch chuyển đường LM xuống dưới (hay sang phải)
2. ...làm cho lãi suất giảm
3. ...nó làm tăng đầu tư, làm tăng sản lượng & thu nhập.



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 6

Sự tương tác giữa chính sách tiền tệ & chính sách tài khoá

- Mô hình: các biến chính sách tiền tệ & tài khoá (M , G và T) là ngoại sinh
- Thể giới thực: Các nhà hoạch định chính sách tiền tệ có thể điều chỉnh M để phản ứng lại những thay đổi của chính sách tài khoá, hoặc ngược lại.
- Sự tương tác như vậy có thể làm thay đổi tác động của sự thay đổi chính sách ban đầu.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 7

Sự phản ứng của NHTƯ với $\Delta G > 0$

- Giả sử rằng Quốc hội quyết định tăng G .
- Những phản ứng có thể có của NHTƯ là:
 1. giữ nguyên M
 2. giữ nguyên r
 3. giữ nguyên Y
- Trong mỗi trường hợp, hiệu ứng của ΔG là khác nhau:

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 8

Phản ứng 1: giữ nguyên M

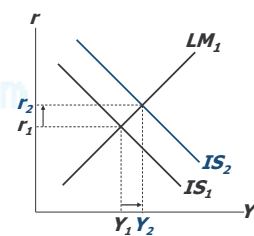
Nếu Quốc hội tăng G , đường IS dịch sang phải

Nếu NHTƯ giữ nguyên M , thì đường LM không dịch chuyển.

Kết quả là:

$$\Delta Y = Y_2 - Y_1$$

$$\Delta r = r_2 - r_1$$



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 9

Phản ứng 2: giữ nguyên r

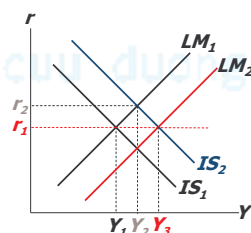
Nếu Quốc hội tăng G , đường IS dịch sang phải

Để giữ r không đổi, NHTƯ tăng M nhằm làm dịch chuyển đường LM sang phải.

Kết quả là:

$$\Delta Y = Y_3 - Y_1$$

$$\Delta r = 0$$



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 10

Phản ứng 3: giữ nguyên Y

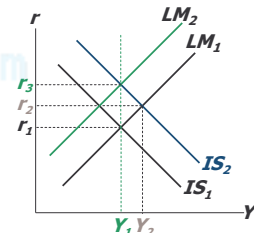
Nếu Quốc hội tăng G , đường IS dịch sang phải

Để giữ Y không đổi, NHTƯ giảm M nhằm làm dịch chuyển đường LM sang trái.

Kết quả là:

$$\Delta Y = 0$$

$$\Delta r = r_3 - r_1$$



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 11

Ước lượng các số nhân của chính sách tài khoá

từ mô hình kinh tế lượng vĩ mô DRI

Giả định về chính sách tiền tệ	Giá trị ước lượng được của $\Delta Y/\Delta G$	Giá trị ước lượng được của $\Delta Y/\Delta T$
NHTƯ giữ nguyên cung tiền	0,60	-0,26
NHTƯ giữ nguyên lãi suất danh nghĩa	1,93	-1,19

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 12

Các cú sốc trong mô hình IS-LM

Những cú sốc IS: những thay đổi ngoại sinh về cầu hàng hoá & dịch vụ.

Ví dụ:

- sự bùng nổ hoặc sụp đổ của thị trường chứng khoán
⇒ làm thay đổi tổng tài sản của các hộ gia đình
⇒ ΔC
- sự thay đổi lòng tin hay kỳ vọng của các doanh nghiệp hoặc người tiêu dùng
⇒ ΔI và/hoặc ΔC

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 13

Các cú sốc trong mô hình IS-LM

Những cú sốc LM: những thay đổi ngoại sinh về cầu tiền.

Ví dụ:

- tình trạng gian lận thẻ tín dụng làm tăng cầu tiền
- nhiều máy ATM hơn hoặc Internet làm giảm cầu tiền

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 14

Bài tập:

Phân tích các cú sốc trong mô hình IS-LM

Sử dụng mô hình IS-LM phân tích hiệu ứng của

- Sự bùng nổ của thị trường chứng khoán làm cho người tiêu dùng giàu có hơn.
- Sau làn sóng làm giả thẻ tín dụng, người tiêu dùng sử dụng tiền mặt thường xuyên hơn trong các giao dịch.

Với mỗi cú sốc,

- sử dụng biểu đồ IS-LM chỉ ra hiệu ứng của cú sốc đối với Y và r .
- xác định xem điều gì xảy ra với C , I , và tỷ lệ thất nghiệp.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 15

Tình huống Suy thoái kinh tế ở Mỹ trong năm 2001

~Điều gì đã xảy ra~

- Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế
1994-2000: 3,9% (bình quân năm)
2001: 1,2%
- Tỷ lệ thất nghiệp
12/2000: 4,0%
12/2001: 5,8%

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 16

Tình huống Suy thoái kinh tế ở Mỹ trong năm 2001

~Những cú sốc góp phần gây suy thoái~

- Sự sụt giá của cổ phiếu
Từ 8/2000 to 8/2001: -25%
Tuần sau 9/11: -12%
- Những vụ tấn công khủng bố ngày 9/11
 - làm tăng tính bất ổn
 - giảm lòng tin của người tiêu dùng & doanh nghiệp

Cả hai cú sốc đều làm giảm chi tiêu và dịch chuyển đường IS sang trái.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 17

Tình huống Suy thoái kinh tế ở Mỹ trong năm 2001

~Phân ứng chính sách~

1. Chính sách tài khoá
 - cắt giảm thuế mạnh trong thời kỳ dài, ngay lập tức hoàn thuế \$300
 - tăng chi tiêu: trợ giúp thành phố New York & ngành hàng không, cuộc chiến chống khủng bố
2. Chính sách tiền tệ
 - NHTƯ giảm lãi suất mục tiêu 11 lần trong năm 2001, từ 6,5% xuống 1,75%
 - Tăng trưởng cung tiền tăng, lãi suất giảm

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 18

Tình huống Suy thoái kinh tế ở Mỹ trong năm 2001

~ Điều gì đã xảy ra ~

- Trong quý 1 năm 2002, GDP thực tế tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, theo số liệu công bố bởi Ủy ban Phân tích Kinh tế ngày 27/06/2002.
- Tuy nhiên, theo tin đưa mới nhất của họ vào ngày 7/6/2002, Ủy ban nghiên cứu chu kỳ kinh doanh của NBER chưa xác định được điểm đáy của chu kỳ, mặc dù họ công nhận rằng nền kinh tế có vẻ đang phục hồi.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 19

Đâu là công cụ chính sách của NHTƯ?

Theo như báo viết:
"ngày hôm nay NHTƯ đã giảm lãi suất 0,5%"

Điều gì thực sự đã xảy ra:
NHTƯ đã thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng nhằm dịch chuyển đường LM sang phải cho tới khi lãi suất giảm 0,5%.

NHTƯ đặt mục tiêu cho lãi suất ngắn hạn FFR: họ công bố một giá trị mục tiêu, và sử dụng chính sách tiền tệ làm dịch chuyển đường LM tới mức cần thiết để đạt được mục tiêu đó.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 20

Đâu là công cụ chính sách của NHTƯ?

Tại sao NHTƯ đặt mục tiêu cho lãi suất thay vì sử dụng cung tiền?

- 1) Chúng dễ đo lường hơn cung tiền
- 2) NHTƯ có thể tin rằng các cú sốc LM phổ biến hơn các cú sốc IS. Nếu đúng vậy thì việc đặt mục tiêu lãi suất sẽ ổn định thu nhập tốt hơn so với đặt mục tiêu cho cung tiền.
(xem câu hỏi 7 trang 306)

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 21

IS-LM và Tổng cầu

- Cho đến thời điểm này, chúng ta sử dụng mô hình IS-LM để phân tích ngắn hạn, khi giá cả được giả định là cố định.
- Tuy nhiên, sự thay đổi của P sẽ làm dịch chuyển đường LM và do vậy ảnh hưởng đến Y .
- **Đường tổng cầu**
(đã giới thiệu trong chương 9) phản ánh mối liên hệ này giữa P và Y

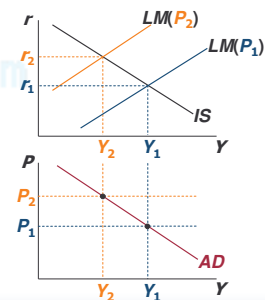
CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 22

Xây dựng đường AD

Độ dốc đường AD:

$\uparrow P \Rightarrow \downarrow (M/P)$
 $\Rightarrow LM$ dịch trái
 $\Rightarrow \uparrow r$
 $\Rightarrow \downarrow I$
 $\Rightarrow \downarrow Y$



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 23

Chính sách tiền tệ và đường AD

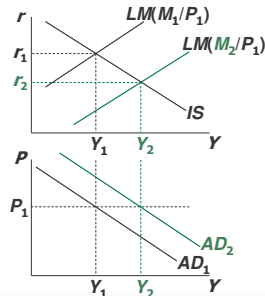
NHTƯ có thể tăng tổng cầu:

$\uparrow M \Rightarrow LM$ dịch phải

$\Rightarrow \downarrow r$

$\Rightarrow \uparrow I$

$\Rightarrow \uparrow Y$ tại mỗi mức P



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 24

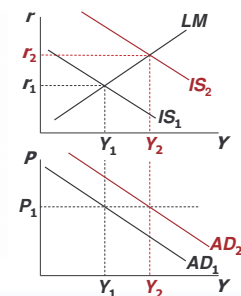
Chính sách tài khoá và đường AD

Chính sách tài khoá mở rộng ($\uparrow G$ và/hoặc $\downarrow T$) làm tăng tổng cầu:

$\downarrow T \Rightarrow \uparrow C$

$\Rightarrow IS$ dịch phải

$\Rightarrow \uparrow Y$ tại mỗi mức P



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 25

IS-LM và AD-AS trong ngắn hạn & dài hạn

Nhớ lại từ chương 9: Lực lượng dịch chuyển nền kinh tế từ ngắn hạn sang dài hạn là sự điều chỉnh từ từ của giá cả.

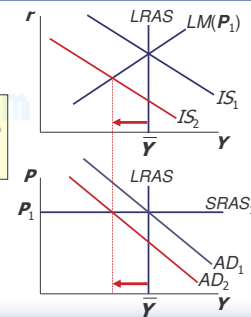
Cân bằng trong ngắn hạn, nếu	thì theo thời gian mức giá sẽ
$Y > \bar{Y}$	tăng
$Y < \bar{Y}$	giảm
$Y = \bar{Y}$	không đổi

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 26

Hiệu ứng ngắn hạn và dài hạn của một cú sốc IS

Cú sốc IS tiêu cực dịch chuyển IS và AD sang trái, làm giảm Y .



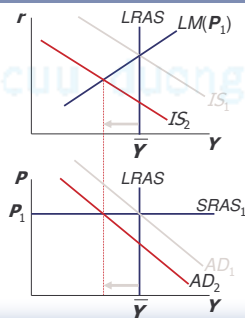
CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 27

Hiệu ứng ngắn hạn và dài hạn của một cú sốc IS

Tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới,

$$Y < \bar{Y}$$



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

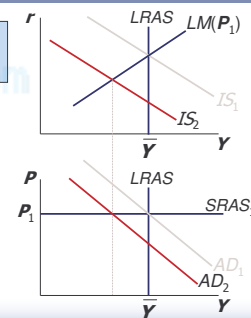
slide 28

Hiệu ứng ngắn hạn và dài hạn của một cú sốc IS

Tại trạng thái cân bằng ngắn hạn mới, $Y < \bar{Y}$

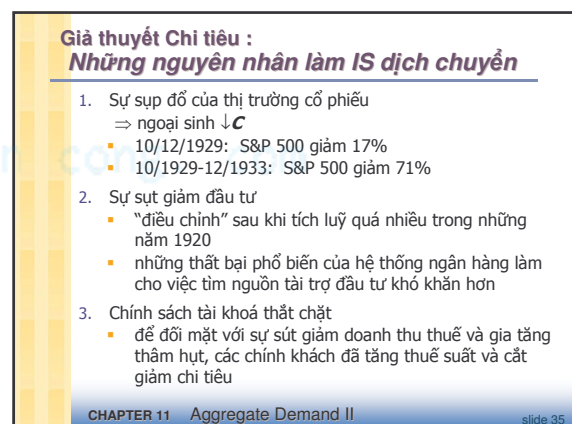
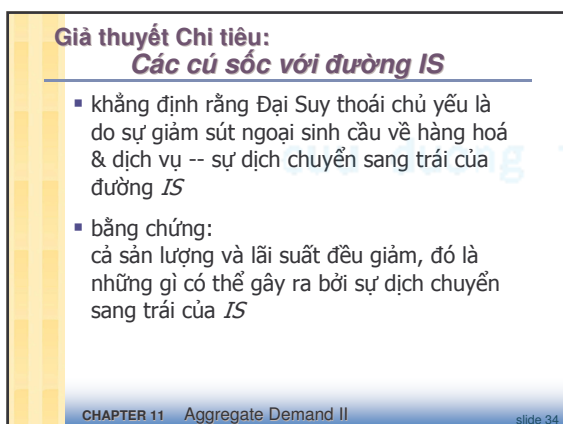
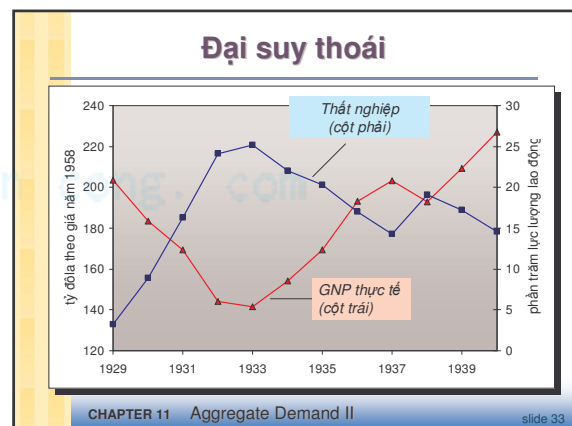
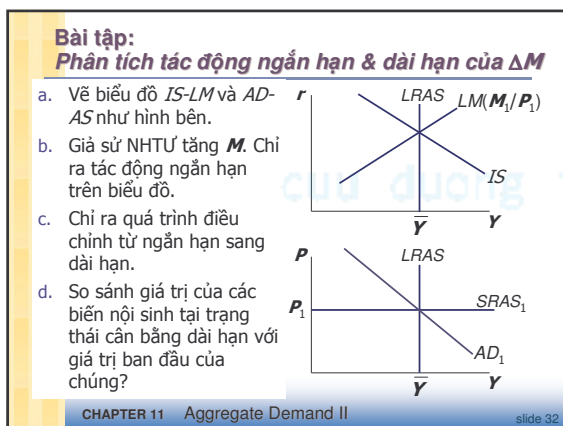
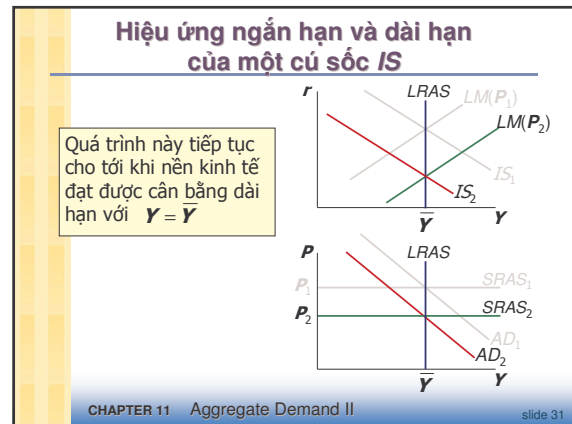
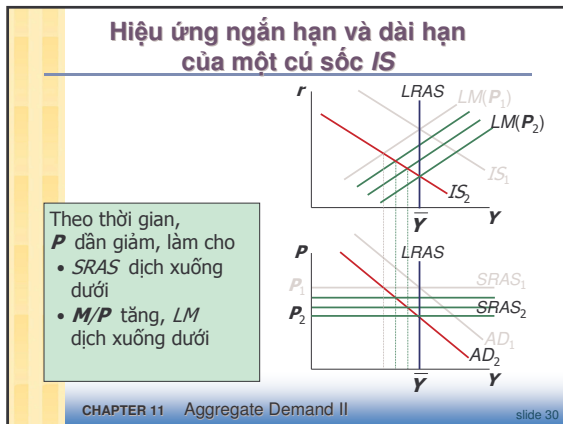
Theo thời gian, P dần giảm, làm cho

- $SRAS$ dịch xuống dưới
- M/P tăng, LM dịch xuống dưới



CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 29



Giả thuyết Tiền tệ: Một cú sốc với đường LM

- khẳng định rằng Đại Suy thoái chủ yếu là do sự giảm sút mạnh của cung tiền
- bằng chứng:
M1 giảm 25% trong giai đoạn 1929-33.

Tuy nhiên, có hai vấn đề với giả thuyết này:

- P thậm chí giảm mạnh hơn, do vậy M/P thực chất tăng nhẹ giai đoạn 1929-31.
- lãi suất danh nghĩa giảm, điều này mâu thuẫn với kết quả của sự dịch chuyển sang trái của đường LM.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 36

Giả thuyết Tiền tệ: Hiệu ứng của Giá giảm

- khẳng định rằng mức độ nghiêm trọng của Đại Suy thoái là do sự giảm phát mạnh:
 P giảm 25% trong giai đoạn 1929-33.
- Sự giảm phát này có lẽ là do sự giảm sút của M , do vậy có lẽ tiền đóng một vai trò quan trọng.
- Sự giảm phát ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế?

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 37

Giả thuyết Tiền tệ: Hiệu ứng của Giá giảm

Hiệu ứng ổn định hoá của sự giảm phát:

- $\downarrow P \Rightarrow \uparrow (M/P) \Rightarrow LM$ dịch phải $\Rightarrow \uparrow Y$
- Hiệu ứng Pigou:**
 $\downarrow P \Rightarrow \uparrow (M/P)$
 $\Rightarrow$ tài sản người tiêu dùng $\uparrow$
 $\Rightarrow \uparrow C$
 $\Rightarrow IS$ dịch phải
 $\Rightarrow \uparrow Y$

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 38

Giả thuyết Tiền tệ: Hiệu ứng của Giá giảm

Hiệu ứng mất ổn định hoá của sự giảm phát không kỳ vọng:

Lý thuyết nợ - giảm phát

- $\downarrow P$ (nếu không được kỳ vọng)
 $\Rightarrow$ chuyển giao sức mua từ người đi vay sang người cho vay
 $\Rightarrow$ người đi vay chi tiêu ít hơn, người cho vay chi tiêu nhiều hơn
 $\Rightarrow$ nếu xu hướng chi tiêu của người đi vay lớn hơn người cho vay, thì tổng chi tiêu giảm, đường IS dịch trái, và Y giảm

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 39

Giả thuyết Tiền tệ: Hiệu ứng của Giá giảm

Hiệu ứng mất ổn định hoá của giảm phát kỳ vọng:

- $\downarrow \pi^e$
 $\Rightarrow r \uparrow$ đối với mỗi giá trị của i
 $\Rightarrow I \downarrow$ bởi vì $I = I(r)$
 $\Rightarrow$ chi tiêu dự kiến & tổng cầu $\downarrow$
 $\Rightarrow$ thu nhập & sản lượng $\downarrow$

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 40

Tại sao một cuộc Đại Suy thoái khác không thể xảy ra

- Các nhà hoạch định chính sách (hoặc các cố vấn của họ) giờ đây đã hiểu biết rõ hơn về kinh tế vĩ mô:
 - NHTƯ không để M giảm quá mạnh, đặc biệt là trong thời kỳ suy thoái.
 - Các nhà hoạch định chính sách tài khoá không tăng thuế hoặc cắt giảm chi tiêu trong thời kỳ suy thoái.
- Bảo hiểm tiền gửi làm cho sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng hầu như là không thể xảy ra.
- Nhân tố ổn định tự động** làm cho chính sách tài khoá mở rộng trong thời kỳ kinh tế đi xuống.

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 41

Tóm tắt chương

1. mô hình IS-LM

- một lý thuyết về tổng cầu
- biến ngoại sinh: M, G, T, P ngoại sinh trong ngắn hạn, Y trong dài hạn
- biến nội sinh: r, Y nội sinh trong ngắn hạn, P trong dài hạn
- đường IS : cân bằng của thị trường hàng hoá
- đường LM : cân bằng của thị trường tiền tệ

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 42

Tóm tắt chương

2. đường AD

- cho biết mối quan hệ giữa P và thu nhập cân bằng, Y trong mô hình IS-LM.
- độ dốc âm bởi vì
 $\uparrow P \Rightarrow \downarrow (M/P) \Rightarrow \uparrow r \Rightarrow \downarrow I \Rightarrow \downarrow Y$
- chính sách tài khoá mở rộng dịch chuyển IS sang phải, tăng thu nhập, và dịch chuyển AD sang phải
- chính sách tiền tệ mở rộng dịch chuyển đường LM sang phải, tăng thu nhập, và dịch chuyển AD sang phải
- các cú sốc IS hoặc LM làm dịch chuyển đường AD

CHAPTER 11 Aggregate Demand II

slide 43

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com